



Môn: NGỮ VĂN

(Kèm theo Quyết định số **1038**/QĐ-SGDĐT, ngày **31** tháng **7** năm 2024)

I. Quy định chung

1. Thời gian thi: 120 phút.
2. Hình thức thi: tự luận.
3. Định dạng:
 - Số câu/Bài thi: 07 câu/1 bài thi (Phần Đọc hiểu: 05 câu; Phần Viết: 02 câu).
 - Thang điểm: 10.
4. Giới hạn kiến thức: yêu cầu cần đạt của nội dung kiến thức môn Ngữ văn chủ yếu ở lớp 8 và lớp 9 Chương trình GDPT 2018.
 - Phần Đọc hiểu: văn bản văn học (*truyện ngắn/ thơ năm chữ, sáu chữ, bảy chữ, tám chữ, thơ tự do*); văn bản thông tin (*thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên/ giới thiệu một danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử...*); văn bản nghị luận: *nghị luận xã hội*.
 - Phần Viết: Thực hiện như cấu trúc đề thi.
5. Lưu ý
 - Việc lựa chọn ngữ liệu cho đề thi: **sử dụng ngữ liệu ngoài sách giáo khoa để đánh giá được chính xác, khách quan năng lực học sinh**; phục vụ trực tiếp cho việc phát triển phẩm chất và năng lực theo mục tiêu và yêu cầu cần đạt của chương trình; phù hợp với kinh nghiệm, năng lực nhận thức của học sinh lớp 9; có giá trị về nội dung và nghệ thuật, tiêu biểu về kiểu văn bản và thể loại, chuẩn mực và sáng tạo về ngôn ngữ; dung lượng ngữ liệu đưa vào đề thi phải đảm bảo đủ thời gian để học sinh đọc hiểu và làm bài, tổng độ dài các ngữ liệu trong đề thi không quá 1200 chữ.
 - Phần chú thích của ngữ liệu trong đề thi: giới thiệu ngắn gọn về tác giả, sự nghiệp, phong cách..., nếu đoạn trích trích dẫn từ tác phẩm truyện cần tóm tắt ngắn gọn để học sinh biết được bối cảnh và hiểu văn bản trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
 - Đề thi học tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025 - 2026 đảm bảo thống nhất về định dạng và cấu trúc với Đề minh họa nhưng cách hỏi và lệnh hỏi không nhất thiết trùng với đề minh họa.

II. Cấu trúc đề thi

Phần	Nội dung	Mức độ đánh giá			Điểm
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
Đọc hiểu	<p>1. Ngữ liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản văn học: <i>truyện ngắn, thơ năm chữ, sáu chữ, bảy chữ, tám chữ, thơ tự do.</i> - Văn bản thông tin: <i>thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, giới thiệu một danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử...</i> - Văn bản nghị luận: <i>nghị luận xã hội.</i> <p>2. Tiêu chí lựa chọn ngữ liệu: một đoạn trích/ một văn bản hoàn chỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản văn học: đề tài, chi tiết tiêu biểu, nhân vật...; thể thơ, từ ngữ, hình ảnh ... - Văn bản thông tin: thông tin cơ bản, các phương tiện phi ngôn ngữ, chi tiết... - Văn bản nghị luận xã hội: luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu... 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được ý nghĩa chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài...; tư tưởng, tình cảm, thái độ của tác giả trong đoạn trích/văn bản truyện. - Hiểu được ý nghĩa, tác dụng của việc sử dụng từ ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ...; tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của tác giả trong đoạn trích/văn bản thơ. - Hiểu quả biểu đạt của phương tiện phi ngôn ngữ, vai trò chi tiết, tác dụng của cách trình bày thông tin, ý nghĩa nhan đề... trong đoạn trích/văn bản thông tin. - Vai trò của luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong việc thể hiện luận đề... trong đoạn trích/văn bản nghị luận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Rút ra được bài học, thông điệp về cách nghĩ, cách ứng xử do đoạn trích/văn bản gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của đoạn trích/văn bản đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học. 	4,0
	Số câu	02	02	01	
	Số điểm	1,0	2,0	1,0	

Phần	Nội dung	Mức độ đánh giá			Điểm	
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		
Viết	Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ): - Phân tích một khía cạnh nội dung chủ đề hoặc một nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của đoạn trích/văn bản truyện ngắn. - Ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ (thơ năm chữ, sáu chữ, bảy chữ, tám chữ, thơ tự do) *Lưu ý: Ngữ liệu phần viết đoạn văn không trùng với ngữ liệu ở phần Đọc hiểu.			Viết đoạn văn		
	Số câu			01	2,0	
	Số điểm			2,0		
	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.			Viết bài văn		
	Số câu			01	4,0	
	Số điểm			4,0		
	Tổng điểm toàn bài					10,0

-----HẾT-----

ĐỀ MINH HỌA

Môn: Ngữ văn

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian giao đề

(Đề thi gồm 02 trang)

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

(1) Nụ cười là phương thuốc quý giá nhất. Từ lâu các nhà nghiên cứu đã chứng minh được rằng khi chúng ta cười, bộ não sẽ tiết ra chất endorphins có tác dụng làm giảm cơn đau, tăng cường sự lan lợi, hoạt bát, đồng thời mang đến cho chúng ta cảm giác phấn khởi và vui vẻ.

(2) Cuộc sống ngày nay của chúng ta phải đối mặt với rất nhiều thử thách, từ khó khăn kinh tế cho đến những xung đột sắc tộc, khủng bố; từ ô nhiễm môi trường đến dịch bệnh. Vì thế chúng ta rất cần tiếng cười để tâm hồn được thanh thản, tinh thần được thư thái và giảm bớt áp lực từ những toan tính đời thường.

(3) Bạn có thể vượt qua những khúc quanh của cuộc đời mình dễ dàng hơn bằng cách mỉm cười với chúng. Không những thế bạn hãy mỉm cười với chính mình và với mọi người. Khi bạn biết mang nụ cười đến những người chung quanh, có nghĩa là bạn đã mang niềm tin đến cuộc sống của họ. Nhờ đó, chúng ta đều cảm thấy được chia sẻ, được động viên và khích lệ.

(4) Trong nhiều nền văn hóa khác nhau, sự hài hước là phương thức tốt nhất để chữa lành mọi nỗi đau. Dù giàu có hay mạnh khỏe, ai cũng trải qua ít nhiều đau khổ trong đời. Mức độ thăng trầm trong cuộc sống tùy thuộc vào tình hoàn cảnh cụ thể và tùy thuộc vào sự biến đổi thời cuộc ở quanh ta. Tiếng cười làm giảm bớt nỗi đau và sự sợ hãi. Thật vậy, các danh hài tuyệt vời nhất nổi tiếng nhất trên thế giới, phần lớn đều xuất thân và trưởng thành trong hoàn cảnh rất khó khăn. Phải chăng, sự hài hước chính là cơ chế chịu đựng đau khổ mà tạo hóa ban tặng cho mỗi người chúng ta? Hãy nhớ rằng, khi nghĩ về những điều vui vẻ, bạn sẽ cảm thấy mình hạnh phúc, mọi người sẽ thích thú khi ở bên bạn và những mối quan hệ hiện tại của bạn cũng sẽ được cải thiện tốt hơn.

(Dẫn theo Cho đi là còn mãi, Azim Jamal & Harvey McKinnon,
NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2023, tr.60-62)

Thực hiện yêu cầu từ câu 1 đến câu 5:

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định luận đề của văn bản trên.

Câu 2. (0,5 điểm) Trong đoạn (2), tác giả đã dùng lí lẽ nào để khẳng định: “Chúng ta rất cần tiếng cười để tâm hồn được thanh thản, tinh thần được thư thái và giảm bớt áp lực từ những toan tính đời thường”?

Câu 3. (1,0 điểm) Phân tích vai trò của bằng chứng được sử dụng trong đoạn (4).

Câu 4. (1,0 điểm) Em hiểu gì về thái độ của tác giả khi bàn về vấn đề trên?

Câu 5. (1,0 điểm) Bài học nào từ văn bản có ý nghĩa nhất đối với em? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm nghĩ của em về bài thơ:

Mùa vải chín

*Em về Hải Phòng mùa vải tháng 5
Tu hú xốn xang gọi bầy xây tổ
Nắng bông bênh gửi mây vào nỗi nhớ
Chùm vải vườn nhà ngọt ngào đượi.*

*Lúa chín vàng, hương cau, hương ổi
Miền đất mỡ màu cây trái xum xuê
Dòng sông xanh nước chảy say mê
Chờ nặng phù sa bốn mùa kết trái.*

*Vải tháng 5 anh vin, em hái
Nghĩa đượm tình quê thơm thảo mặn nồng
Vải: Bát Trang, Thủy Nguyên, Vĩnh Bảo...
Gom nắng, gom mưa vị ngọt thơm hồng.*

*Gió nồm nam thổi chiều thơ mộng
Canh cua cà muối mẹ chờ con
Rạ rom quán quýt hương đồng nội
Xõa... vào mùa vải ánh trăng non!*

(Dẫn theo *Thơ trong mùa nắng*, Nguyễn Thị Thúy Ngoan,
Báo **Điện tử Hải Phòng**, ngày 10/6/2023)

Chú thích: Nguyễn Thị Thúy Ngoan sinh năm 1951, quê ở huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Thơ của bà dung dị, lắng sâu; thường sử dụng những chi tiết của đời sống thường nhật làm phát lộ những tứ thơ độc đáo, như quen như lạ, có sức cuốn hút mạnh mẽ.

Câu 2. (4,0 điểm)

Hiện nay, một bộ phận giới trẻ thiếu kết nối với gia đình. Hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về vấn đề cần giải quyết trên.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:Số báo danh:

Cán bộ coi thi số 1:Cán bộ coi thi số 2: